TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ T** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do -Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2019/DS-ST
Ngày 18-11-2019
V/v Kiện đòi tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ T, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Sơn Tây
2. Ông Đào Văn Nô

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã T xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 169/2019/TLST-DS ngày 25 tháng 6 năm 2019 về việc "Kiện đòi tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2019/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 47/2019/QĐST-DS ngày 01 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đặng Văn L, sinh năm 1963; hộ khẩu thường trú: C313, khu phố B1, phường L, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Đặng Văn L: Ông Nguyễn Đặng Hoài L, sinh năm 1993; địa chỉ: D236, khu phố Đ1, phường L, thị xã T, tỉnh Bình Dương (theo Giấy ủy quyền ngày 02/10/2019). Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Hồng N, sinh năm 1983; hộ khẩu thường trú: Tổ 3, khu phố H1, phường K, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Kim T; địa chỉ: Tổ 3, khu phố H1, phường K, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 22/5/2019, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của nguyên đơn và lời trình bày tại phiên tòa của người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn thể hiện:

Ngày 13/11/2013, ông Đặng Văn L cho ông Nguyễn Hồng N vay số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng), lãi suất 2%/tháng, thời hạn vay là 06 tháng. Việc vay tiền có lập Hợp đồng vay tiền ngày 13/11/2013 được ông N ký tên, lăn tay. Tuy nhiên, khi đến hạn thanh toán, ông N không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền cho ông L, ông L đã nhiều lần yêu cầu ông N trả tiền nhưng ông N hẹn nhiều lần mà không thực hiện nghĩa vụ. Do đó, ông L khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản với ông Nguyễn Hồng N, yêu cầu ông N trả cho ông L số tiền đã vay là 500.000.000 đồng và tiền lãi theo thỏa thuận là 60.000.000 đồng, tổng cộng là 560.000.000 đồng (năm trăm sáu mươi triệu đồng).

Ngày 12/9/2019, ông Đặng Văn L có đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật, buộc ông Nguyễn Hồng N phải trả cho ông L số tiền 500.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi theo quy định pháp luật là: 500.000.000 đồng x 1,67%/tháng x 06 tháng = 50.100.000 đồng. Tổng cộng số tiền ông Đặng Văn L yêu cầu ông Nguyễn Hồng N phải thanh toán là 550.100.000 đồng (năm trăm năm mươi triệu một trăm nghìn đồng).

Ngày 02/10/2019, ông Đặng Văn L có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về lãi suất. Ông L yêu cầu ông Nguyễn Hồng N thanh toán số tiền 500.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

Chứng cứ nguyên đơn xuất trình là "Hợp đồng vay tiền ngày 13/11/2013".

Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai ngày 30/9/2019, bị đơn ông Nguyễn Hồng N trình bày:

Ông N có vay của ông Đặng Văn L số tiền 500.000.000 đồng theo Hợp đồng vay tiền ngày 13/11/2013, lãi suất là 2%/tháng, thời hạn vay là 06 tháng. Ông N xác định có ký tên, lăn tay vào hợp đồng vay tiền. Ông N vay số tiền 500.000.000 đồng này cho bà Nguyễn Thị Kim T (chị ruột của ông N). Trước yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Văn L, ông N xác nhận có nợ của ông L số tiền 500.000.000 đồng và nợ lãi là 60.000.000 đồng. Tuy nhiên, ông N đề nghị được thương lượng, thỏa thuận với bà T và sẽ có phương án trả nợ cho ông L.

Theo biên bản xác minh tại Công an phường K ngày 06/09/2019, đương sự Nguyễn Hồng N, sinh năm 1983 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 3, khu phố Bình Hòa 1, thị xã T, tỉnh Bình Dương và hiện tại vẫn còn cư trú và thường xuyên sinh sống ở địa phương.

Ngày 30/9/2019, Tòa án ra Thông báo số 27/TB-TA đưa bà Nguyễn Thị Kim T vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, thực hiện việc tống đạt văn bản tố tụng đúng quy định và triệu tập bà Nguyễn Thị Kim T làm việc, hòa giải, tiếp cận công khai chứng cứ. Tuy nhiên, bà Nguyễn Thị Kim Thoa vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, không cung cấp lời khai và chứng cứ liên quan đến vụ án.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Hồng N trả cho nguyên đơn 500.000.000 đồng chiếm giữ bất hợp pháp, không yêu cầu tính lãi suất.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã T:

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân thị xã T thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền và đúng hạn luật định. Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Nguyễn Hồng N và bà Nguyễn Thị Kim T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông N và bà T là đúng quy định.

- Về nội dung: Ngày 13/11/2013, nguyên đơn ông L cho bị đơn ông N vay 500.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng, việc vay tiền có lập văn bản. Bị đơn đã nhận tiền nhưng đến hạn không thanh toán cho nguyên đơn và cho rằng vay tiền giùm người khác nhưng không có chứng cứ chứng minh. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả lại số tiền nợ là 500.000.000 đồng. Do nguyên đơn tự nguyện rút yêu cầu về lãi suất, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu về lãi suất của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Hồng N có địa chỉ cư trú tại thị xã T nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã T. Nguyên đơn khởi kiện bị đơn đòi lại số tiền cho vay theo hợp đồng vay tiền ngày 13/11/2013 (hạn thanh toán là 06 tháng), tính đến thời điểm khởi kiện ngày 22/5/2019 thì thời hiệu khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản đã hết nên Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là "Kiện đòi tài sản". Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, các bên đương sự không yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện nên Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật. Bị đơn ông Nguyễn Hồng N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim T đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên toà nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông N và bà T theo quy định tại Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về áp dụng pháp luật: Ông Đặng Văn L và ông Nguyễn Hồng N xác lập hợp đồng vay tài sản vào ngày 13/11/2013. Do đó, Tòa án áp dụng quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005 để giải quyết vụ án.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 02/10/2019 nguyên đơn ông Đặng Văn L có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu tính lãi suất. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định nguyên đơn ông Đặng Văn L tranh chấp đòi tài sản, yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Hồng N phải trả lại ông L số tiền là 500.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi suất. Xét, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự

nguyện, phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện đã rút.

[4] Xét hợp đồng vay tiền ngày 13/11/2013, được ông Đặng Văn L và ông Nguyễn Hồng N thỏa thuận giao kết tự nguyện, không bị lừa dối, ép buộc; về hình thức phù hợp theo quy định pháp luật; về nội dung: Số tiền vay và thời hạn vay là phù hợp quy định pháp luật, riêng về lãi suất là chưa đúng quy định. Tuy nhiên, nguyên đơn không yêu cầu tính lãi suất nên Hội đồng xét xử không xem xét. Bị đơn ông Nguyễn Hồng N thừa nhận chữ ký, chữ viết và dấu vân tay tại Hợp đồng vay tiền ngày 13/11/2013 là của bị đơn; thừa nhận có vay của nguyên đơn 500.000.000 đồng. Đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định ông Nguyễn Hồng N có vay của ông Đặng Văn L số tiền 500.000.000 đồng theo Hợp đồng vay tiền ngày 13/11/2013 nhưng không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khi đến hạn là vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005. Đến nay, ông N vẫn không hoàn trả số tiền trên cho ông L là chiếm giữ bất hợp pháp tài sản của ông L. Do đó, căn cứ Điều 256 Bộ luật Dân sự năm 2005, ông L khởi kiện ông N đòi lại số tiền 500.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi suất là có căn cứ chấp nhận .

[5] Ông Nguyễn Hồng N cho rằng ông N vay 500.000.000 đồng của ông L là vay giùm cho bà Nguyễn Thị Kim T (chị ruột của ông N). Tuy nhiên, vấn đề này không được bà T thừa nhận và ông N cũng không có chứng cứ chứng minh. Ngày 01/10/2019, Tòa án có Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ số 15/2019/QĐ-CCTLCC yêu cầu ông N cung cấp chứng cứ thể hiện ông N vay tiền giùm cho bà T và đã giao tiền cho bà T sau khi nhận tiền. Tuy nhiên, hết thời hạn quy định, ông N vẫn không cung cấp được chứng cứ trên. Mặt khác, nguyên đơn xác định ông Nguyễn Hồng N là người vay tiền của nguyên đơn, không liên quan gì đến bà T. Bà T vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, không có ý kiến trình bày. Do đó, ý kiến trình bày của ông N về việc vay tiền giùm cho bà T là không có cơ sở.

[6] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

[7] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều: 26, 35, 147, 227, 228, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cư Điều 256, 471, 474 Bộ luật Dân sự 2005

- Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Văn L về việc yêu cầu ông Nguyễn Hồng N thanh toán lãi suất đối với số tiền 500.000.000 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Văn L đối với ông Nguyễn Hồng N về việc kiện đòi tài sản:

Buộc ông Nguyễn Hồng N phải trả cho ông Đặng Văn L số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ đối với số tiền phải thi hành án thì còn phải chịu lãi suất đối với số tiền phải thanh toán theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Hồng N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 24.000.000 đồng (hai mươi bốn triệu đồng).

- Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T hoàn trả lại cho ông Đặng Văn L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 13.200.000 đồng (mười ba triệu hai trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số AA/2016/0036926 ngày 21/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND tỉnh Bình Dương (01) ;
- VKSND thị xã T (01) ;
- Chi cục THADS thị xã T (01);
- Các đương sự (03);
- Lưu VT, HS (02).

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thị Quỳnh Nga